

Bản án số: 166/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11/06/2026

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Duy Phúc;

- Ông Trịnh Huy Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 06 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1002/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1005/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn C, xã Th, tỉnh Thanh Hoá; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Trần Anh V, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn C, xã Th, tỉnh Thanh Hoá. Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã Th, tỉnh Thanh Hoá; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2026, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Anh V qua tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn vào năm 2000, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 25/12/2000 tại UBND xã P, huyện Th, tỉnh Thanh Hoá (nay là xã Th, tỉnh Thanh Hoá).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau. Mặc dù cả hai đã cố gắng hòa giải và được gia

đình hai bên hoà giải nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, nên không thể chung sống với nhau được nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh V.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Trần Quốc C, sinh ngày 18/9/2001; Trần Mai Linh T, sinh ngày 10/3/2006; Các con nay đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Anh V: Sau khi thụ lý vụ án Toà án triệu tập anh V đến làm việc nhưng anh V không có mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; 02 lần Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho nhưng anh V từ chối nhận văn bản, không có mặt tại Tòa án để làm việc, không trình bày ý kiến hay giao nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án.

Tại Biên bản xác minh ngày 13/5/2026 với Ban công tác mặt trận thôn và chính quyền xã Th thể hiện: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Anh V có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã Th, tỉnh Thanh Hóa, hiện đang cư trú tại Thôn Đ, xã Th, tỉnh Thanh Hóa. Anh chị lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th. Về mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh V không đề nghị hòa giải ở cơ sở nên chính quyền địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị xử cho chị H được ly hôn anh V. Về con chung: Các con đã thành niên, đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Buộc chị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trần Anh V có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã Th, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ nhiều lần và tổng đạt các Quyết định, văn bản tố tụng cho bị đơn đảm bảo quy định tại Điều 171; Điều 177 Bộ Luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh V phát sinh mâu thuẫn và dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau. Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, đảm bảo quy định của pháp luật, nhưng anh từ chối nhận văn bản và không đến Tòa án làm việc. Việc anh V từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và không đến Tòa án làm việc, không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ theo quy định tại điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được giải quyết ly hôn. Căn cứ vào lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ đương sự giao nộp và các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn anh V.

[5]. Về con chung: Chị H và anh V có 02 con chung là cháu Trần Quốc C, sinh ngày 18/9/2001; Trần Mai Linh T, sinh ngày 10/3/2006; Các con nay đã thành niên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Anh V.

2. Về con chung: Chị H và anh V có 02 con chung là Trần Quốc C, sinh ngày 18/9/2001; Trần Mai Linh T, sinh ngày 10/3/2006; Các con nay đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002662, ngày 07/4/2026, tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12- Thanh Hoá. Chị Hương đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Anh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12 – Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục dân sự tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã Th;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Vũ Thị Dung